

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

Số: 1127 /UBND-QLĐT
V/v báo cáo công tác quản lý TTXD và chỉ tiêu hạ tầng KT đô thị năm 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bỉm Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện văn bản số 2861/SXD-HT ngày 04/6/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo công tác quản lý trật tự xây dựng và các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp 6 tháng đầu năm 2018.

UBND thị xã Bỉm Sơn đã tổ chức kiểm tra, rà soát, tổng hợp số liệu về công tác quản lý trật tự xây dựng và các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp 6 tháng đầu năm 2018 theo biểu mẫu chi tiết kèm theo văn bản này.

Ủy ban nhân dân thị xã Bỉm Sơn kính đề nghị Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLĐT.



Tống Thanh Bình

BIỂU HÌNH TRANG HÀNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌM SƠN
 (Kèm theo văn bản số 11/27 /UBND-QLĐT ngày 12/6/2018 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Diễn giải	Đơn vị	mã số	Tổng số	Chia theo đô thị					
				Loại Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
1. Tổng công suất cấp nước thiết kế của NM nước	m3/ngày		13000				13000		
2. Tổng công xuất khai thác của nhà máy nước	m3/ngày		13000				13000		
3. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch	%		12				12		
4. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	%		95				95		
4.1. Tổng dân số thành thị được cung cấp nước sạch từ các công trình tập trung									
5. Mức cấp nước bình quân đầu người	Người /người.ngđ		49.500				49.500		
6. Tổng công xuất các nhà máy xử lý nước thải	m3/ngày		200				200		
7. Tỷ lệ dân số đô thị được hưởng dịch vụ thoát nước	%		3500				3500		
8. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng	%		60				60		
8.1. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh	Tấn/ngày		90				90		
8.2. Tổng lượng chất thải rắn được thu gom	Tấn/ngày		60				60		
8.3. Tổng trọng lượng chất thải rắn xử lý đạt tiêu chuẩn	Tấn/ngày		54				54		
9. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn quốc gia	Đô thị	Có							
9.1. Tổng số đô thị có công trình xử lý chất thải rắn	Đô thị	Có							
9.2. Tổng số đô thị có công trình xử lý nước thải	Đô thị	Có							
9.3. Tỷ lệ đô thị có công trình xử lý chất thải rắn đạt tiêu chuẩn	Đô thị	Có							
9.4. Tỷ lệ đô thi có công trình xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn	Đô thị	Có							

BIỂU SỐ: 03/BCĐP

ĐƠN GSĐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN
 (06 THÁNG ĐẦU NĂM 2018)
 (Kèm theo văn bản số 14/U BND ngày 12/6/2018 của UBND thị xã Bỉm Sơn)

Đơn vị báo cáo: UBND thị xã Bỉm Sơn



A	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
1. Tổng số công trình xây dựng trên địa bàn	Công trình	01	187	244
2. Tổng số công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng	Công trình	02	178	233
2.1. Giấy phép xây dựng cấp cho công trình	Công trình	03	2	3
2.2. GPXD cấp cho nhà ở riêng lẻ	Công trình	04	176	230
2.3. GPXD cấp cho nhà ở nông thôn	Công trình	05	8	10
2.4. Giấy phép xây dựng có thời hạn	Công trình	06	29	38
3. Số công trình được miễn giấy phép xây dựng	Công trình	07	9	11
4. Tổng số công trình xây dựng sai quy định	Công trình	08	11	6,0
4.1. Xây dựng không phép	Công trình	09	6	6,0
4.2. Xây dựng sai phép	Công trình	10	5	0
5. Tỷ lệ công trình xây dựng có GPXD	%	11		
5.1. Tỷ lệ công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn	%	12		
5.2. Tỷ lệ nhà ở nông thôn được cấp GPXD	%	13		
6. Tỷ lệ công trình xây dựng sai giấy phép xây dựng	%	14		